

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2020

V/v: *Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Thái

2. Ông Nguyễn Văn Thống

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phú Duy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà:
Bà Lương Thị Bích Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 244/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/02/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 25/2/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thủy N, sinh năm 1988. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu L, thị trấn T, huyện T1, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu 3, thị trấn B, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thủy N trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Thành C trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 03/11/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm

2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh C không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, không chung thủy, ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống và xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thành C

Về nuôi con chung: Giữa chị và anh Nguyễn Thành C có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 02/6/2010 và Nguyễn Quỳnh Q, sinh ngày 31/5/2012. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Quỳnh Q, giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 02/12/2019 bị đơn anh Nguyễn Thành C trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Lê Thị Thủy N trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03/11/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng với chị N đã hết. Nay chị N xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Giữa anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 02/6/2010 và Nguyễn Quỳnh Q, sinh ngày 31/5/2012. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, giao cháu Nguyễn Quỳnh Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thành C nhưng anh C không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể khắc phục được nữa. Do đó căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không hòa giải được.

Theo biên bản lấy lời khai về nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, thì nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu muốn được ở với bố; còn cháu Nguyễn Quỳnh Q có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử

đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tổ tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng : Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thủy N để xử cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Thành C. Về nuôi con chung: Chấp nhận đề nghị về nuôi con chung của các đương sự. Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 02/6/2010 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu Nguyễn Quỳnh Q, sinh ngày 31/5/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Về án phí: Chị N phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thành C có hộ khẩu thường trú tại khu 3, thị trấn B, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Nguyên đơn là chị Lê Thị Thủy N có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn là anh Nguyễn Thành C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt chị N, anh C là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thủy N và anh Nguyễn Thành C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 03 tháng 11 năm 2009. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh C không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, không chung thủy, ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống và xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Bị đơn anh C cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thủy N là có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp

dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Lê Thị Thủy N được ly hôn anh Nguyễn Thành C.

[3] Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Thủy N và anh Nguyễn Thành C có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 02/6/2010 và Nguyễn Quỳnh Q, sinh ngày 31/5/2012. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh Q và giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo H và giao cháu Nguyễn Quỳnh Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Cháu Q cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu H có nguyện vọng ở với bố. Xét thấy đề nghị về nuôi con chung của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con. Vì vậy, để đảm bảo mọi điều kiện học tập và sinh hoạt của các con cần chấp nhận đề nghị trên của các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị N và anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Thủy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thủy N được ly hôn anh Nguyễn Thành C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 02/6/2010 cho anh Nguyễn Thành C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu Nguyễn Quỳnh Q, sinh ngày 31/5/2012 cho chị Lê Thị Thủy N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thủy N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại

biên lai số AA/2017/0002703 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình. (Xác nhận chỉ N đã nộp đủ).

Chị Lê Thị Thủy N và anh Nguyễn Thành C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã TT Thác Bà;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Đào